

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 434/2020/DS-PT;
Ngày: 01/12/2020;
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tuấn**;

Các Thẩm phán: - Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng**;

- Ông **Huỳnh Việt Trung**;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Quang Minh**, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Hà Thúy Thảo** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 440/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 158/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 540/2020/QĐXX-PT ngày 06 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phạm Minh L**, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp a, xã ATT, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Phạm Thị Mỹ L**, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp b, xã AH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng nghị: **Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện CB.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

- Nguyên đơn ông Phạm Minh L trình bày:

Do có quan hệ bà con nên bà Phạm Thị Mỹ L có hỏi vay ông 03 lần tổng số tiền là 350.000.000 đồng, cụ thể các lần vay như sau:

+ Lần 1: Vào ngày 22/02/2015 AL, bà L vay của ông số tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1.5%/tháng (cụ thể tiền lãi là 4.000.000 đồng/tháng, bắt đầu tính lãi từ ngày 22/3/2015 AL). Bà L đóng lãi cho ông được từ ngày 22/03/2015

ÂL đến 23/9/2016 ÂL thì ngưng không đóng nữa.

+ Lần 2: Vào ngày 25/7/2016 ÂL, bà L vay của ông số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1.5%/tháng (cụ thể tiền lời là 1.500.000 đồng/tháng, bắt đầu tính lãi từ ngày 25/8/2016 ÂL). Bà L đóng lãi cho ông được từ ngày 25/8/2016 ÂL đến 25/9/2016 ÂL thì ngưng.

+ Lần 3: Vào ngày 09/9/2016 ÂL, bà L vay của ông số tiền 50.000.000 đồng, cũng thỏa thuận lãi suất 1.5%/tháng (cụ thể tiền lời là 750.000 đồng/tháng, bắt đầu tính lãi từ ngày 01/10/2016 ÂL). Bà L đóng lãi cho ông được 01 tháng vào ngày 01/10/2016 ÂL thì ngưng.

Các lần vay tiền đều có làm biên nhận. Do ở nhà thường gọi ông tên là Bé T nên trong biên nhận đều ghi là Bé T.

Vào ngày 15/10/2016 âm lịch (tức là ngày 14/11/2016 dương lịch), bà L tuyên bố vỡ nợ. Việc bà L tuyên bố vỡ nợ nhằm chiếm đoạt tài sản của ông nên ông làm đơn tố cáo. Theo biên bản ghi nhận về việc xác nhận nợ ngày 23/02/2017 tại Đội điều tra tổng hợp - Công an huyện CB. Trong biên bản bà L thừa nhận còn nợ tiền vay của ông là 350.000.000 đồng và đến nay bà không trả tiền cho ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Buộc bà Phạm Thị Mỹ L trả cho ông số tiền 350.000.000 đồng và tiền lãi 1,5%/tháng tính từ ngày 16/10/2016 âm lịch cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

- Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bà L không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý do chính đáng trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Áp dụng Các Điều 92, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh L. Buộc bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L trả cho ông Phạm Minh L số tiền **686.375.300** đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1.5%/tháng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 34/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25/9/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện CB, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Phạm Minh L có ý kiến không yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất quá hạn của số tiền nợ lãi theo quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát.

- Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa án sơ thẩm về phần lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang thay đổi một phần nội dung kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lãi theo mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện CB kháng nghị bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định theo Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét.

[2] Về nội dung tranh chấp: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện, ngày 22/02/2015, 25/7/2016 và 09/9/2016 Âm lịch (ngày 10/4/2015, 27/8/2016 và 09/10/2016 Dương lịch), ông Phạm Minh L cho bà Phạm Thị Mỹ L vay tổng số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng. Sau khi vay tiền, bà L thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho ông L đến ngày 01/10/2016 Âm lịch (31/10/2016 Dương lịch) thì tuyên bố vỡ nợ. Tại biên bản ghi nhận về việc xác nhận nợ của Công an huyện CB lập ngày 23/02/2017, bà L xác định nợ ông L số tiền vốn tổng cộng là 364.450.000 đồng. Trong đó, nợ vốn vay 350.000.000 đồng và 14.450.000 đồng tiền hui.

[3] Xét Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện CB, nhận thấy: Theo đơn khởi kiện, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả cho ông 350.000.000 đồng vốn vay và tiền lãi 1,5%/tháng từ ngày vay cho đến ngày Tòa án xét xử (BL: 03). Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông L rút một phần yêu cầu về thời gian tính lãi, yêu cầu buộc bà L trả lãi cho ông từ ngày 24/7/2017 cho đến ngày xét xử.

Thế nhưng bản án sơ thẩm đã xử buộc bà L có nghĩa vụ trả lãi cho ông L theo mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận là vượt quá yêu cầu khởi kiện, trái với qui định của pháp luật tố tụng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Do đó, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm và ý kiến của ông L đề nghị không buộc bà L có nghĩa vụ trả lãi theo mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn cho ông L là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật, nên chấp nhận.

Như vậy, số tiền vốn lãi mà bà L phải có nghĩa vụ trả cho ông L cụ thể như sau:

- Vốn vay: 350.000.000 đồng;
- Lãi: 350.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 42 tháng 21 ngày = 224.175.000 đồng.

(Từ 24/02/2017 đến 15/9/2020 = 03 năm 06 tháng 21 ngày = 42 tháng 21 ngày)

Tổng cộng: 574.175.000 đồng (350.000.000 + 224.175.000 = 574.175.000).

[4] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm như đã nhận định, nên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm của bà L được xác định lại theo qui định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 34/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25/9/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 158/2020/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh L. Buộc bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L trả cho ông Phạm Minh L số tiền **574.175.000 đồng** đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên là 1,5%/tháng.

2. Về án phí:

- Bà Phạm Thị Mỹ L phải chịu 26.967.000 đồng (Hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phạm Minh L không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn lại cho ông L số tiền 8.750.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 0003539 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện CB;
- Chi cục THADS huyện CB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Tuấn